UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - tự do - Hạnh phúc
Số: 282/2011/QĐ-UBND	*Cao Bằng, ngày 28 tháng 02 năm 2011*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 16 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Luật Điện lực số 28/2004-QH11 ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp và Nghị định số 81/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2005/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 68/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Thông tư số 03/2010/TT-BCT ngày 22 tháng 01 năm 2010 của Bộ Công Thương Quy định một số nội dung về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương Cao Bằng tại Tờ trình số: 72/TTr-SCT ngày 27 tháng 01 năm 2011 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp Cao Bằng tại văn bản số 04/STP-VBPQ ngày 07 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1599/2006/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2006 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Về việc ban hành Quy chế bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, Giám đốc Công ty Điện lực Cao Bằng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, Thị xã chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Anh

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ
Bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 282 /2011/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định chi tiết và hướng dẫn công tác bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

b) Đối tượng áp dụng: Áp dụng cho các cơ quan quản lý nhà nước trong việc phê duyệt xây dựng các công trình, các đơn vị thi công công trình, các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Công trình lưới điện cao áp* là hệ thống bao gồm các công trình đường dây dẫn điện trên không, đường cáp điện ngầm, trạm biến áp, hành lang bảo vệ an toàn và đất sử dụng cho công trình có điện áp danh định từ 1000 V trở lên.

2. *Hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp* là khoảng không gian được giới hạn bởi chiều dài, chiều rộng, chiều cao, chạy dọc theo đường dây dẫn điện hoặc bao quanh trạm điện được quy định cụ thể theo từng cấp điện áp.

3. *Trạm điện* bao gồm các trạm phát điện, trạm biến áp, trạm cắt, trạm bù công suất phản kháng.

4. *Cáp điện ngầm* là dây dẫn điện chuyên dùng được bọc cách điện theo tiêu chuẩn, được đặt ngầm trong lòng đất hoặc dưới nước theo quy phạm.

5. *Đơn vị quản lý vận hành công trình lưới điện cao áp* là các tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế được cấp Giấy phép hoạt động điện lực về quản lý và vận hành công trình lưới điện cao áp.

6. *Công trình* bao gồm các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, điện lực, thông tin liên lạc...

7. *Công trình vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp* là nhà ở, công trình được triển khai mà toàn bộ hoặc một phần của nhà ở, công trình nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp.

Điều 3. Trách nhiệm bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp

1. Bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp là trách nhiệm của Đơn vị quản lý vận hành nguồn, lưới điện, Uỷ ban nhân dân các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị xã hội và nhân dân địa phương nơi có công trình lưới điện đi qua.

2. Khi phát hiện công trình lưới điện cao áp bị xâm phạm, phá hoại hoặc bị cháy gây ra sự cố nghiêm trọng, đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp, Uỷ ban nhân dân địa phương, công an, lực lượng vũ trang đóng trên địa bàn có trách nhiệm phối hợp, khẩn trương xử lý sự cố để hạn chế những thiệt hại, đưa công trình trở lại hoạt động bình thường.

Chương II
XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH ĐIỆN VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, DÂN DỤNG

Điều 4. Xây dựng công trình lưới điện cao áp

1. Sau khi dự án công trình lưới điện được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chậm nhất 15 ngày, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho Uỷ ban nhân dân địa phương, các tổ chức chính trị, xã hội, hộ gia đình, cá nhân là chủ sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, công trình xây dựng và tài sản khác nằm trong phạm vi hành lang công trình lưới điện cao áp.

2. Mọi tài sản và công trình được tạo lập sau khi đã nhận được thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện mà vi phạm hành lang an toàn theo quy định của Quy chế này thì buộc phải phá dỡ và không được bồi thường.

3. Khi sửa chữa, cải tạo, lắp đặt trang thiết bị điện và công trình lưới điện có khả năng ảnh hưởng đến công trình công cộng hoặc công trình khác thì đơn vị quản lý lưới điện phải phối hợp với tổ chức, cá nhân có liên quan để giải quyết.

4. Việc bồi thường về đất, tài sản trên đất và các hỗ trợ khác cho người đang sử dụng đất khi xây dựng công trình lưới điện được thực hiện theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

5. Đoạn cáp ngầm nối với đường dây dẫn điện trên không tính từ mặt đất trở lên đến độ cao hai mét phải được đặt trong ống bảo vệ.

6. Khi hoàn thành xây dựng công trình lưới điện cao áp, chủ đầu tư công trình phải thông báo ngay đến Ủy ban nhân dân các cấp nơi có công trình lưới điện để phối hợp quản lý.

Điều 5. Xây dựng công trình công cộng, dân dụng

1. Khi phê duyệt cấp mặt bằng xây dựng mới, cải tạo, mở rộng... công trình công cộng hoặc công trình dân dụng, cho tổ chức, cá nhân, các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cần xem xét khả năng ảnh hưởng đến hành lang an toàn của các công trình lưới điện hiện có. Nếu có ảnh hưởng, cơ quan cấp phép phải yêu cầu chủ đầu tư công trình có thoả thuận bằng văn bản với đơn vị quản lý lưới điện cao áp về các biện pháp bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không và an toàn trong quá trình xây dựng, cải tạo, sử dụng công trình.

2. Khi tiến hành các công việc xây dựng công trình trên mặt đất, dưới lòng đất, ở gần hoặc trong hành lang bảo vệ đường dây dẫn điện trên không, có khả năng ảnh hưởng đến việc vận hành bình thường của đường dây, hoặc có nguy cơ gây sự cố, tai nạn về điện thì đơn vị tiến hành các công việc đó phải có sự thoả thuận với đơn vị quản lý công trình lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn cần thiết.

Điều 6. Xây dựng đường dây dẫn điện trên không qua các công trình quan trọng

Khi xây dựng, cải tạo đường dây dẫn điện trên không vượt qua khu dân cư bao gồm cả khu quy hoạch dân cư không phân biệt ít hay nhiều hộ dân, nơi công cộng thường xuyên tập trung đông người như chợ, quảng trường, cơ sở kinh tế, văn hoá, khu vực trường học, tổ chức hội chợ, triển lãm, vui chơi giải trí, khu công nghiệp, khu chế xuất, công trình quan trọng liên quan đến an ninh, quốc phòng, khu di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đã được Nhà nước xếp hạng phải tăng cường các biện pháp an toàn về điện và xây dựng như sau:

1. Cột phải là cột thép hoặc bê tông cốt thép; hệ số an toàn của cột, xà, móng cột không nhỏ hơn 1,2;

2. Dây dẫn điện không được phép có mối nối trong khoảng cột, trừ dây dẫn điện có tiết diện từ 240 mm^2 trở lên cho phép có một mối nối cho một dây. Hệ số an toàn của dây dẫn điện không được nhỏ hơn 2,5;

3. Cách điện phải bố trí kép cùng chủng loại và đặc tính kỹ thuật. dây dẫn điện, dây chống sét nếu mắc trên cách điện kiểu treo phải sử dụng khoá đỡ kiểu cố định. Hệ số an toàn của cách điện và các phụ kiện phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định hiện hành;

4. Khoảng cách từ điểm thấp nhất của dây dẫn điện ở trạng thái võng cực đại đến mặt đất tự nhiên không được nhỏ hơn quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	Đến 110 kV	Đến 220 kV
Khoản cách	14 m	15m	18m

Điều 7. Khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp:

1. Khoảng cách giữa bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình với đường dây dẫn điện trên không, được quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 22 kV		35 kV		110 kV	220 kV
	Dây bọc	Dây trần	Dây bọc	Dây trần	Dây trần	Dây trần
Khoảng cách an toàn phóng điện	1,0 m	2,0 m	1,5 m	3,0 m	4,0 m	6,0m

2. Khoảng cách tối thiểu từ dây dẫn điện đến điểm gần nhất của thiết bị, dụng cụ, phương tiện làm việc trong hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp, được quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 22 kV	35 kV	110 kV	220 kV
Khoảng cách an toàn phóng điện	4,0 m	4,0 m	6,0 m	6,0m

3. Nghiêm cấm sử dụng thiết bị, dụng cụ, phương tiện có khả năng vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện trong hành lang bảo vệ đường dây dẫn điện trên không. Trường hợp đặc biệt, do yêu cầu cấp bách của công tác quốc phòng, an ninh, phải có sự thoả thuận với đơn vị quản lý công trình lưới điện về các biện pháp bảo đảm an toàn cần thiết.

Chương III
HÀNH LANG BẢO VỆ CÔNG TRÌNH LƯỚI ĐIỆN CAO ÁP

Điều 8. Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không

1. Chiều dài hành lang được tính từ vị trí đường dây ra khỏi ranh giới bảo vệ của trạm điện này đến vị trí đường dây đi vào ranh giới bảo vệ của trạm điện kế tiếp.

2. Chiều rộng hành lang được giới hạn bởi hai mặt thẳng đứng về hai phía của đường dây, song song với đường dây, có khoảng cách từ dây ngoài cùng về mỗi phía khi dây ở trạng thái võng cực đại theo quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 22 kV		35 kV		110 kV	220 kV
	Dây bọc	Dây trần	Dây bọc	Dây trần	Dây trần	Dây trần
Khoảng cách	1,0 m	2,0 m	1,5 m	3,0 m	4,0 m	6,0 m

3. Chiều cao hành lang được tính từ đáy móng cột đến điểm cao nhất của công trình, cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	110 kV	220 kV
Khoảng cách	2,0 m	3,0 m	4,0 m

4. Hành lang bảo vệ an toàn các loại cáp điện đi trên mặt đất hoặc treo trên không là khoảng không gian dọc theo đường cáp điện và được giới hạn về các phía là 0,5 m tính từ mặt ngoài của sợi cáp ngoài cùng.

Điều 9. Khoảng cách giao chéo của đường dây dẫn điện trên không

1. Khoảng cách giao chéo của đường dây dẫn điện trên không với đường bộ, đường sắt, đường thuỷ nội địa: chiều cao tối thiểu của dây dẫn điện tại điểm thấp nhất khi dây dẫn ở trạng thái võng cực đại, được quy định trong bảng sau:

Điện áp / Khoảng cách	Đến 35 kV	110 kV	220kV
Đối với đường bộ	7,0 m	7,0 m	8,0m
Đối với đường sắt	7,5 m	7,5 m	8,5m

Đến chiều cao tĩnh không theo cấp kỹ thuật của đường thuỷ nội địa	1,5 m	2,0 m	3,0m

2. Trường hợp điểm cao nhất trên phương tiện vận chuyển có chiều cao lớn hơn 4,5 mét, chủ phương tiện phải liên hệ với đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp để thực hiện các biện pháp an toàn cần thiết.

Điều 10. Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm

1. Chiều dài được tính từ vị trí cáp ra khỏi ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm này đến vị trí vào ranh giới phạm vi bảo vệ của trạm kế tiếp.

2. Chiều rộng được giới hạn bởi:

a) Mặt ngoài của mương cáp, đối với cáp đặt trong mương cáp;

b) Hai mặt thẳng đứng cách mặt ngoài của vỏ cáp hoặc sợi cáp ngoài cùng về hai phía của đường cáp điện ngầm đối với cáp đặt trực tiếp trong đất, trong nước được quy định trong bảng sau:

Loại cáp điện	Đặt trực tiếp trong đất		Đặt trong nước	
	Đất ổn định	Đất không ổn định	Nơi không có tàu thuyền qua lại	Nơi có tàu thuyền qua lại
Khoảng cách	1,0 m	1,5 m	20,0 m	100,0 m

3. Chiều cao được tính từ mặt đất hoặc mặt nước đến:

a) Mặt ngoài của đáy móng mương cáp, đối với cáp đặt trong mương cáp;

b) Độ sâu thấp hơn điểm thấp nhất của vỏ cáp là 1,5 m đối với cáp đặt trực tiếp trong đất hoặc trong nước.

Điều 11. Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện

1. Đối với các trạm điện không có tường, rào bao quanh: Hành lang bảo vệ trạm điện được giới hạn bởi không gian bao quanh trạm điện, có khoảng cách đến các bộ phận mang điện gần nhất của trạm điện theo quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 22 kV	35 kV
Khoảng cách	2,0 m	3,0 m

2. Đối với các trạm điện có tường hoặc hàng rào cố định bao quanh: Chiều rộng hành lang bảo vệ được giới hạn đến mặt ngoài của tường hoặc hàng rào; chiều cao hành lang được tính từ đáy móng sâu nhất của công trình trạm điện đến điểm cao nhất của trạm điện cộng thêm khoảng cách an toàn theo chiều thẳng đứng quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	110 kV	220kV
Khoảng cách	2,0 m	3,0 m	4,0m

3. Nhà và công trình xây dựng gần hành lang bảo vệ an toàn của trạm điện phải đảm bảo không làm hư hỏng bất kỳ bộ phận nào của trạm điện; không để nước thải xâm nhập làm hư hỏng công trình điện.

4. Không được xây dựng nhà ở, công trình và trồng các loại cây cao hơn 2m trong hành lang bảo vệ an toàn trạm điện; không xâm phạm đường ra vào trạm điện, đường cấp thoát nước của trạm điện, đường cáp điện ngầm và đường dây dẫn điện trên không.

Điều 12. Điều kiện để nhà ở, công trình trong hành lang an toàn không phải di rời khỏi hành lang an toàn đường dây dẫn điện trên không (gọi tắt là hành lang an toàn lưới điện).

Nhà ở, công trình không phải di rời khỏi hành lang an toàn lưới điện điện áp đến 220kV, nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Mái lợp và tường bao phải làm bằng vật liệu không cháy;

2. Không gây cản trở đường ra vào để kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế các bộ phận công trình lưới điện cao áp;

3. Khoảng cách từ bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình đến dây dẫn điện gần nhất khi ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35kV	110kV	220kV
Khoảng cách	3,0m	4,0m	6,0m

4. Cường độ điện trường ≤ 5 kV/m tại điểm bất kỳ ở ngoài nhà cách mặt đất một mét và ≤ 1 kV/m tại điểm bất kỳ ở bên trong nhà cách mặt đất một mét.

5. Các kết cấu kim loại của nhà ở, công trình phải được nối đất theo quy định về kỹ thuật nối đất như sau:

a) Phạm vi nối đất

Cấp điện áp 220 kV: Trong và ngoài hành lang an toàn lưới điện đến 25 m tính từ mép dây dẫn ngoài hoặc dưới cùng.

b) Yêu cầu nối đất

- Nhà ở, công trình có mái bằng kim loại cách điện với đất: chỉ nối đất mái, các kết cấu kim loại nằm dưới mái không phải nối đất;

- Nhà ở, công trình có mái không làm bằng kim loại: nối đất tất cả các kết cấu kim loại cách điện với đất như vách, tường bao, dầm, xà, vì kèo, khung cửa;

- Nối đất các kết cấu kim loại cách điện với đất ở bên ngoài nhà ở, công trình như khung sắt, tấm tôn, ăng ten ti vi, dây phơi.

c) Trang bị nối đất

- Cọc tiếp đất được làm bằng thép tròn đường kính không nhỏ hơn 16 mm (hoặc thép vuông có tiết diện tương đương) hoặc thép góc có kích thước không nhỏ hơn 40 x 40 x 4 mm; chiều dài không nhỏ hơn 1,0m đặt vào đất theo phương thẳng đứng, một đầu nhô lên khỏi mặt đất từ 0,1 m đến 0,15 m; nơi đặt

cọc tiếp đất không được gây trở ngại cho người sử dụng nhà ở, công trình. Không được sơn phủ các vật liệu cách điện lên bề mặt cọc tiếp đất. Tại những nơi dễ bị ăn mòn, các cọc tiếp đất phải được mạ đồng hoặc mạ kẽm;

- Dây nối đất có thể được làm bằng thép tròn đường kính không nhỏ hơn 6mm; thép dẹt kích thước không nhỏ hơn 24 x 4 mm; dây đồng mềm tiết diện không nhỏ hơn 16mm2; nếu dây nối đất làm bằng thép thỡ phải được mạ kẽm hoặc sơn chống gỉ; dây nối đất được nối với phần nổi trên mặt đất của cọc tiếp đất và kết cấu kim loại cần nối đất bằng bu lông bắt chặt hoặc hàn;

- Trong trường hợp nhà ở, công trỡnh đó cú nối đất đang được sử dụng thì không cần phải làm thêm cọc tiếp đất mà chỉ cần liên kết dây nối đất vào nối đất đó bằng bu lông bắt chặt hoặc hàn;

- Cho phép thay thế cọc tiếp đất bằng các vật nối đất tự nhiên như kết cấu kim loại nằm trong đất của nhà ở và công trình.

d) Chi phí nối đất và quản lý hệ thống nối đất

- Chi phí nối đất: Đối với nhà ở, công trình có trước khi xây dựng công trình lưới điện cao áp, chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp chịu mọi chi phí lắp đặt hệ thống nối đất. Đối với nhà ở, công trình có sau công trình lưới điện cao áp thì chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp nhà ở, công trình chịu mọi chi phí lắp đặt, bảo dưỡng hệ thống nối đất;

- Quản lý hệ thống nối đất: Chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp nhà ở, công trình có các kết cấu kim loại nối đất phải quản lý hệ thống nối đất. Khi phát hiện hệ thống nối đất hư hỏng hoặc có hiện tượng bất thường thì báo ngay cho đơn vị quản lý lưới điện cao áp để phối hợp giải quyết.

6. Chủ sở hữu hoặc người sử dụng nhà ở, công trình đã được phép tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không, không được sử dụng mái hoặc bất kỳ bộ phận nào của nhà ở, công trình vào những mục đích có thể vi phạm khoảng cách an toàn phóng điện theo cấp điện áp và phải tuân thủ các quy định về bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không khi sửa chữa, cải tạo nhà ở, công trình.

Điều 13. Biển báo, tín hiệu

1. Đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp phải đặt biển cấm, biển báo an toàn điện theo TCVN 2572-78 kiểu 2aX bắt cố định trên cột hoặc dùng khuôn biển kiểu 2K để in biển trực tiếp lên cột ở độ cao 2,0m đến 2,5m so với mặt đất về phía dễ nhìn thấy. Biển báo an toàn điện phải đặt hoặc in ở tất cả các cột.

2. Các cột điện phải được sơn màu trắng, đỏ từ khoảng chiều cao 50 m trở lên và phải đặt đèn tín hiệu trên đỉnh cột trong các trường hợp sau:

a) Cột điện cao từ 80 m trở lên;

b) Cột điện cao trên 50 m đến dưới 80 m nhưng ở vị trí có yêu cầu đặc biệt.

3. Trường hợp đường dây dẫn điện cao áp nằm trong giới hạn 8.000 m tính từ đường hạ, cất cánh gần nhất của sân bay, việc sơn cột, đặt đèn báo hiệu theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước về hàng không.

4. Dọc theo đường cáp điện ngầm , trên mặt đất ở vị trí tim rãnh cáp phải đặt cột mốc hoặc biển báo "CÁP ĐIỆN LỰC"; cột mốc hoặc biển báo phải được đặt ở những chỗ dễ thấy và có thể xác định được đường cáp ở mọi vị trí. Tại các vị trí chuyển hướng bắt buộc phải đặt cột mốc hoặc biển báo; khoảng cách giữa hai cột mốc, biển báo liền kề không quá 30 m.

5. Đối với trạm điện có tường rào bao quanh, trạm hợp bộ kiểu kín, tủ đóng cắt, phải đặt biển báo an toàn điện theo TCVN 2572-78 kiểu 1aX bắt trực tiếp lên cửa hoặc cổng ra vào của trạm điện.

6. Đối với trạm điện treo, trên cột đặt trạm phải đặt biển báo an toàn điện như quy định đối với đường dây trên không.

Điều 14. Cây trong và ngoài hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp

1. Đường dây có cấp điện áp đến 35 kV trong thành phố, thị xã, thị trấn thì khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn điện khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	
Khoảng cách	Dây bọc	Dây trần
	0,7 m	1,5 m

2. Đối với đường dây có cấp điện áp từ 110 kV và 220 kV trong thành phố, thị xã, thị trấn thì cây không được cao hơn dây dẫn thấp nhất trừ trường hợp đặc biệt phải có biện pháp kỹ thuật đảm bảo an toàn và được Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho phép. Khoảng cách từ điểm bất kỳ của cây đến dây dẫn khi dây ở trạng thái **v**ừng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:

Điện áp	110kV	220kV
Khoảng cách	2,0m	3,0m

3. Đối với đường dây ngoài thành phố, thị xã, thị trấn thì khoảng cách từ điểm cao nhất của cây theo chiều thẳng đứng đến độ cao của dây dẫn thấp nhất khi đang ở trạng thái **v**ừng cực đại không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV		110 kV	220 kV
Khoảng cách	Dây bọc	Dây trần	Dây trần	Dây trần
	0,7 m	2,0 m	3,0 m	4,0m

4. Đối với đường dây dẫn điện trên không vượt qua rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, vườn trồng cây thì khoảng cách theo phương thẳng đứng từ chiều cao trung bình của cây đó phát triển tối đa đến dây dẫn điện thấp nhất khi dây ở trạng thái võng cực đại không nhỏ hơn quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV		110 kV	220 kV
Khoảng cách	Dây bọc	Dây trần	Dây trần	Dây trần

	0,7 m	2,0 m	3,0 m	4,0m

5. Trường hợp cây ở ngoài hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không và ngoài thành phố, thị xã, thị trấn thì khoảng cách từ bộ phận bất kỳ của cây khi cây bị đổ đến bộ phận bất kỳ của đường dây không nhỏ hơn khoảng cách quy định trong bảng sau:

Điện áp	Đến 35 kV	110 và 220 kV
Khoảng cách	0,7 m	1,0 m

6. Đối với cây có khả năng phát triển nhanh trong thời gian ngắn có nguy cơ gây mất an toàn và những cây nếu phải chặt ngọn, tỉa cành sẽ không còn hiệu quả kinh tế phải chặt bỏ và cấm trồng mới.

7. Lúa, hoa màu và cây trồng chỉ được trồng cách mép móng cột điện, móng néo ít nhất là 0,5 m.

Chương IV
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ ĐỐI VỚI NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH, ĐẤT, CÂY TRỒNG TRONG HÀNH LANG BẢO VỆ CÔNG TRÌNH LƯỚI ĐIỆN CAO ÁP

Điều 15. Bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình trong hành lang an toàn lưới điện cao áp.

1. Nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân không phải di dời khỏi hành lang an toàn lưới điện điện áp đến 220 kV được quy định tại Điều 12 Quy chế này thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt được bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng và ảnh hưởng trong sinh hoạt. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một lần như sau:

a) Nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang an toàn lưới điện, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật, trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì được bồi thường, hỗ trợ phần diện tích trong hành lang an toàn lưới điện;

b) Mức bồi thường, hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nhưng không lớn hơn 70% giá trị phần nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt tính trên diện tích nằm trong hành lang an toàn lưới điện, theo đơn giá xây dựng mới của nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành;

c) Trường hợp nhà ở, công trình phụ phục vụ sinh hoạt được xây dựng trên đất không đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hỗ trợ dựa trên điều kiện thực tế của từng địa phương.

2. Nhà ở, công trình được xây dựng trước ngày thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp được cấp có thẩm quyền phê duyệt:

a) Nếu chưa đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 12 Quy chế này thì chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp phải chịu kinh phí và tổ chức thực hiện việc cải tạo nhằm đáp ứng các điều kiện đó;

b) Trường hợp chỉ bị phá dỡ một phần, phần còn lại vẫn tồn tại, sử dụng được và đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 12 Quy chế này thì chủ đầu tư công trình lưới điện cao áp có trách nhiệm chi trả, bồi thường phần giá trị nhà, công trình bị phá dỡ và chi phí cải tạo hoàn thiện lại nhà, công trình theo tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương của nhà, công trình trước khi bị phá dỡ;

c) Trường hợp không thể cải tạo được để đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 12 Quy chế này mà phải dỡ bỏ hoặc di dời, thì chủ sở hữu nhà ở, công trình được bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Bồi thường, hỗ trợ đối với đất trong hành lang an toàn lưới điện

Đất ở, các loại đất khác trong cùng thửa với đất ở của một chủ sử dụng trong hành lang an toàn lưới điện thuộc diện Nhà nước không thu hồi đất thì chủ sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất. Việc bồi thường, hỗ trợ được thực hiện một lần như sau:

1. Đất ở được bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng là loại đất ở được quy định tại các văn bản pháp luật về đất đai.

2. Diện tích đất ở được bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng là diện tích đất ở thực tế trong hành lang an toàn lưới điện. Mức bồi thường, hỗ trợ không lớn hơn 80% mức bồi thường thu hồi đất ở, tính trên diện tích đất nằm trong hành lang.

3. Trên cùng một thửa đất, bao gồm đất ở và các loại đất khác của một chủ sử dụng đất, khi bị hành lang an toàn lưới điện chiến dụng khoảng không lớn hơn hạn mức đất ở thì phần diện tích các loại đất khác trên cùng thửa đất trong hành lang cũng được bồi thường, hỗ trợ. Mức bồi thường, hỗ trợ không lớn hơn 80% mức bồi thường thu hồi các loại đất khác đó tính trên diện tích các loại đất khác nằm trong hành lang.

4. Trường hợp đất ở không đủ điều kiện như quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, hỗ trợ dựa trên điều kiện thực tế của từng địa phương.

5. Mức bồi thường, hỗ trợ quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể. Kinh phí chi trả từ nguồn vốn đầu tư của chủ đầu tư công trình lưới điện cao cáp.

Điều 17. Chuyển đổi mục đích sử dụng các loại đất khác sang đất ở

Khi chủ sử dụng đất phải di chuyển nhà ở ra ngoài hành lang an toàn lưới điện và có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng các loại đất khác bên ngoài hành lang đất ở mà phù hợp với quy hoạch thì cơ quan quản lý đất đai tại địa phương làm thủ tục trình cấp có thẩm quyền quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất. Chủ sử dụng đất phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật khi chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Điều 18. Hỗ trợ chi phí di chuyển

Ngoài việc được bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình được quy định tại Điều 15 và đất được quy định tại Điều 16 Quy chế này, nếu chủ sở hữu nhà ở tự tìm được đất ở mới và có nguyện vọng di chuyển khỏi hành lang an toàn lưới điện, thì tự thực hiện việc di chuyển và được hỗ trợ chi phí di chuyển theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 19. Bồi thường đối với cây trong và ngoài hành lang an toàn lưới điện.

1. Cây có trước khi thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp và trong hành lang an toàn lưới điện, nếu phải chặt bỏ và cấm trồng mới theo quy định tại khoản 6 Điều 14 Quy chế này thì được bồi thường theo quy định hiện hành.

2. Cây có trước khi thông báo thực hiện dự án công trình lưới điện cao áp và trong hành lang thuộc loại không phải chặt bỏ và cấm trồng như quy định tại khoản 6 Điều 14 Quy chế này hoặc cây ngoài hành lang có nguy cơ vi phạm khoảng cách an toàn quy định tại khoản 5 Điều 14 Quy chế này thì đơn vị quản lý vận hành có quyền kiểm tra, chặt, tỉa cây để đảm bảo an toàn cho đường dây dẫn điện trên không và thực hiện bồi thường theo quy định.

3. Mức bồi thường đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện một lần đối với một cây và do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định, phù hợp với thực tế của địa phương.

Điều 20. Thoả thuận khi xây dựng mới hoặc cải tạo nhà ở, công trình (gọi tắt là công trình) trong hành lang an toàn lưới điện

Việc thỏa thuận các biện pháp đảm bảo an toàn quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Điện lực được thực hiện như sau:

1. Trước khi xây dựng mới hoặc cải tạo công trình, chủ đầu tư hoặc chủ sở hữu hoặc người sử dụng hợp pháp công trình (sau đây gọi tắt là chủ công trình) phải gửi văn bản đề nghị xây dựng mới hoặc cải tạo công trình đến đơn vị quản lý lưới điện cao áp.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, đơn vị quản lý lưới điện cao áp có trách nhiệm khảo sát hiện trường nơi dự kiến xây dựng, cải tạo công trình và lập văn bản thoả thuận với chủ công trình.

Trường hợp không đủ điều kiện để lập văn bản thoả thuận, đơn vị quản lý lưới điện cao áp phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do không thoả thuận cho chủ công trình trong thời hạn nêu trên.

2. Nội dung văn bản thoả thuận bao gồm:

a) Các biện pháp đảm bảo an toàn được áp dụng;

b) Xác định khoảng cách an toàn theo quy định;

c) Trách nhiệm của các bên liên quan;

d) Các thoả thuận khác.

Chương V
QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ AN TOÀN CÔNG TRÌNH LƯỚI ĐIỆN CAO ÁP

Điều 21. Quản lý, vận hành công trình lưới điện cao áp

1. Đơn vị quản lý, vận hành công trình lưới điện cao áp có trách nhiệm:

a) Thường xuyên kiểm tra hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trong phạm vi quản lý của mình để phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp. Khi phát hiện hành vi vi phạm, phải yêu cầu đối tượng vi phạm dừng ngay các hành vi vi phạm và báo cáo, phối hợp với chính quyền địa phương lập biên bản xử lý các hành vi vi phạm đó;

b) Kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng đường dây đúng thời hạn quy định. Không vận hành quá tải đối với đường dây vượt qua nhà ở, công trình;

c) Thống kê, theo dõi các vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trong phạm vi quản lý và báo cáo chính quyền địa phương xử lý theo quy định.

2. Việc chặt, tỉa cây để bảo đảm an toàn công trình lưới điện cao áp do đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp tổ chức thực hiện và phải thông báo cho chủ sở hữu cây biết trước năm ngày làm việc.

3. Trường hợp bắt buộc phải chặt cây để khắc phục sự cố, đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp phải thông báo ngay số cây cần chặt và bồi thường cho chủ sở hữu cây. Nếu không thông báo được cho chủ sở hữu cây thì phải thông báo với Ủy ban nhân dân cấp xã, phường sở tại trước khi chặt cây.

4. Nghiêm cấm lợi dụng việc xây dựng công trình điện, việc bảo vệ hoặc sửa chữa công trình lưới điện cao áp để chặt cây tuỳ tiện.

5. Đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp khi thực hiện nhiệm vụ sửa chữa định kỳ phải thông báo trước ba ngày cho tổ chức, cá nhân sử dụng đất nơi có đường dây dẫn điện trên không đi qua (riêng sửa chữa đột xuất do sự cố thì thông báo trước khi thực hiện công việc).Trường hợp không thông báo được cho chủ sở hữu đất thì phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, phường sở tại trước khi thực hiện công việc.

Kiểm tra, sửa chữa xong, đơn vị quản lý công trình lưới điện cao áp phải khôi phục lại mặt bằng như trước khi sửa chữa.

6. Đơn vị quản lý vận hành, sửa chữa lưới điện phải thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn theo quy phạm kỹ thuật an toàn.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRONG BẢO VỆ AN TOÀN CÔNG TRÌNH LƯỚI ĐIỆN CAO ÁP

Điều 22. Uỷ ban nhân dân tỉnh

Thành lập Ban chỉ đạo cấp tỉnh về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp và chỉ đạo các cơ quan chức năng của tỉnh kiểm tra, ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 23. Uỷ ban nhân dân huyện, thị xã, xã, phường, thị trấn

1. Triển khai, hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước, văn bản của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp; tuyên truyền, giáo dục nhân dân về bảo vệ an toàn công trình lưới điện trên địa bàn.

2. Chỉ đạo, phối hợp với đơn vị quản lý lưới điện giải quyết các vi phạm hành lang bảo vệ lưới điện cao áp trên địa bàn mình quản lý.

3. Phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn; Triển khai các biện pháp ngăn chặn, lập biên bản các hành vi cố ý vi phạm và ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực theo thẩm quyền.

4. Chỉ đạo và tổ chức cưỡng chế, tháo dỡ các công trình vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp.

5. Báo cáo Ban Chỉ đạo cấp tỉnh các vướng mắc, tồn tại vượt quá thẩm quyền giải quyết và đề xuất khen thưởng đơn vị, cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ công trình lưới điện cao áp.

Điều 24. Sở Công Thương

1. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, quy định về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp và giám sát việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Tổng hợp tình hình vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp và đề xuất các giải pháp cụ thể để thực hiện tốt các quy định, luật pháp của nhà nước và các quy chế của tỉnh.

3. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ và công tác xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực cho các huyện, thị xã; các xã, phường, thị trấn.

4. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo và các vấn đề liên quan đến vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp theo thẩm quyền.

Điều 25. Sở Xây dựng

1. Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm tra, lập biên bản xử lý các công trình xây dựng vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp cho các cấp, các ngành liên quan.

2. Hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan có thẩm quyền cấp phép xây dựng, đảm bảo công trình không vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp.

Điều 26. Công an tỉnh Cao Bằng

1. Chỉ đạo Công an các huyện, thị xã, các phòng nghiệp vụ có liên quan phối hợp với chính quyền các cấp, các cơ quan liên quan trong việc bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn quản lý.

2. Phối hợp với các ngành, các cấp chính quyền xử lý các vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn.

Điều 27. Các đơn vị quản lý, vận hành công trình lưới điện cao áp

1. Thường xuyên tổ chức kiểm tra các đường dây dẫn điện và các trạm biến áp thuộc phạm vi quản lý của mình, nhằm phát hiện kịp thời các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp và thông báo cho Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn để xử lý theo quy định.

2. Tuyên truyền phổ biến các quy định của nhà nước và địa phương về bảo vệ an toàn lưới điện cao áp; Phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh xử lý các vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp.

3. Cấp văn bản thoả thuận về an toàn điện đối với công trình xây dựng trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được yêu cầu của chủ công trình.

4. Cung cấp kịp thời sơ đồ mặt bằng hiện trạng của công trình vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn cho chính quyền địa phương.

5. Phân loại các trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp, báo cáo cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

6. Hướng dẫn trình tự, thủ tục trong các trường hợp công trình được phép tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp.

Chương VII
XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 28. Các hành vi vi phạm về bảo vệ an toàn công trình điện và hành lang bảo vệ an toàn lưới điện

1. Vào trạm điện, tháo gỡ hoặc trèo lên các bộ phận của công trình lưới điện khi không có nhiệm vụ.

2. Trộm cắp, ném bắn, gây hư hỏng các bộ phận của công trình lưới điện. Buộc gia súc, phương tiện, dụng cụ vào cột điện, tường rào trạm điện.

3. Thả diều, bóng bay, chơi máy bay có điều khiển từ xa hoặc các vật bay khác trong phạm vi bảo vệ công trình điện hoặc hành lang bảo vệ an toàn lưới điện.

4. Lắp đặt ăng ten, dây phơi, giàn giáo, biển hộp, đèn quảng cáo và các vật dụng khác trong phạm vi bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp hoặc tại các vị trí mà khi bị đổ, rơi có thể va quyệt vào công trình lưới điện cao áp.

5. Chặt cây, trồng cây, tỉa cành không đúng quy định trong phạm vi bảo vệ công trình điện hoặc trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện.

6. Chặt cây, tỉa cành ngoài phạm vi bảo vệ công trình điện hoặc ngoài hành lang bảo vệ an toàn lưới điện nhưng không có biện pháp an toàn để cây va quyệt vào đường dây hoặc các bộ phận khác của công trình điện.

7. Bắn chim đậu trên dây điện, trạm điện; Quăng, ném bất kỳ vật gì lên đường dây điện; Đào đất gây lún sụt công trình lưới điện cao áp; Đắp đất vi phạm khoảng cách an toàn. Các hành vi vi phạm an toàn nền móng, tường rào trạm điện, cột điện hoặc các kết cấu, bộ phận khác của công trình điện.

8. Không đặt hệ thống biển báo, đèn tín hiệu, chỉ dẫn khu vực nguy hiểm tại vị trí công trình lưới điện theo quy định hoặc không đặt cột mốc, dấu hiệu dọc theo đường cáp ngầm trong đất.

9. Làm lều, quán, nhà cửa hoặc các công trình khác gây ảnh hưởng đến việc thoát nước, che chắn cửa thông gió, cản trở đường vào trạm điện.

10. Xếp, chứa các chất dễ cháy, nổ; Đốt rừng, đốt nương rẫy; Sử dụng các phương tiện thi công có độ cao vi phạm khoảng cách an toàn theo quy định hoặc gây chấn động mạnh gây hư hỏng cho công trình điện.

11. Tháo dỡ, tẩy xoá, che chắn gây hư hại các biển cấm, biển báo, tín hiệu an toàn ở cột điện, trong phạm vi bảo vệ công trình điện hoặc hành lang bảo vệ an toàn lưới điện, trạm điện, nhà máy điện.

12. Gây hư hại cột điện, dây điện, sứ cách điện, dây chống sét, dây tiếp địa, cáp điện và các bộ phận, kết cấu khác của công trình điện (bao gồm cả lưới điện cao áp, hạ áp).

13. Xây mới, nâng cấp, cải tạo nhà ở, làm lều, quán hoặc các công trình khác vi phạm các quy định về bảo vệ an toàn công trình điện hoặc hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

14. Không đảm bảo các điều kiện về an toàn đối với nhà ở, công trình xây dựng hợp pháp đã được phép tồn tại trong hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp.

15. Thi công công trình trong lòng đất hoặc nạo vét lòng sông, xả chất thải, nước thải có chất ăn mòn ... thuộc hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm.

16. Nổ mìn phá đá, làm đường vv.....vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình điện và hành lang bảo vệ an toàn lưới điện.

17. Thiết kế, xây dựng, sửa chữa công trình điện không đảm bảo khoảng cách an toàn theo quy định của pháp luật.

18. Sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp không đúng quy định, không được cơ quan có thẩm quyền cho phép.

Điều 29. Nguyên tắc xử lý vi phạm

1. Cá nhân, tổ chức chỉ bị xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực khi có hành vi vi phạm được quy định tại Nghị định số 68/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2010.

2. Việc xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực phải do người có thẩm quyền được quy định tại Nghị định số 68/2010/NĐ-CP thực hiện.

3. Mọi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực phải được phát hiện kịp thời và phải bị đình chỉ ngay. Việc xử phạt phải được tiến hành nhanh chóng, công minh, triệt để; mọi hậu quả do vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật.

4. Một hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực chỉ bị xử phạt một lần. Một tổ chức, cá nhân thực hiện nhiều hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm. Nhiều tổ chức, cá nhân cùng thực hiện một hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực thì mỗi tổ chức, cá nhân vi phạm đều bị xử phạt.

5. Việc xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng để quyết định hình thức, biện pháp xử phạt thích hợp. Tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng được áp dụng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

6. Không xử phạt vi phạm pháp luật trong lĩnh vực điện lực trong các trường hợp thuộc tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc vi phạm pháp luật trong khi đang mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.

Điều 30. Trình tự xử lý các vi phạm

1. Kiểm tra, phát hiện và lập biên bản

a) Đơn vị trực tiếp quản lý lưới điện cần thường xuyên cử cán bộ kiểm tra lưới điện và các thiết bị điện; Khi phát hiện các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, phải thông báo ngay cho chủ công trình vi phạm để ngăn chặn và báo cáo cho chính quyền địa phương để phối hợp lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực;

b) Chính quyền xã, phường khi phát hiện hoặc được các tổ chức, cá nhân thông báo về hành vi vi phạm hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp, cần cử ngay cán bộ phụ trách quản lý trật tự xây dựng, Công an viên phụ trách địa bàn kết hợp với Tổ trưởng khu phố; Đơn vị quản lý vận hành điện sở tại đến xác minh, yêu cầu đình chỉ và lập biên bản vi phạm, đề xuất biện pháp xử lý, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường để xử lý theo quy định (chậm nhất không quá 24 giờ sau khi lập biên bản).

2. Căn cứ hồ sơ biên bản vi phạm, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường ra quyết định xử phạt hành chính và buộc chủ công trình vi phạm phải ngừng ngay các hành vi vi phạm và khôi phục lại hiện trạng ban đầu.

3. Nếu chủ công trình vi phạm không tự chấp hành quyết định xử phạt hành chính của chính quyền địa phương, trong thời hạn tối đa là 5 ngày, đơn vị quản lý lưới điện cần có kiến nghị gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường để ra quyết định cưỡng chế và tổ chức cưỡng chế dỡ bỏ vi phạm theo quy định. Kinh phí thực hiện cưỡng chế do chủ công trình vi phạm chịu trách nhiệm chi trả.

4. Trong trường hợp khó khăn phức tạp, vượt quá thẩm quyền theo phân cấp thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường báo cáo Ủy ban nhân dân huyện, thị xã để xin ý kiến chỉ đạo.

5. Trường hợp đặc biệt, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã có văn bản báo cáo Ban Chỉ đạo của tỉnh để giải quyết theo quy định.

Điều 31. Hồ sơ xử lý vi phạm

1. Biên bản về hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực.

Biên bản tịch thu tang vật (nếu có); Phương tiện được sử dụng để vi phạm (theo mẫu quy định).

2. Sơ đồ vị trí vi phạm thể hiện mức độ vi phạm của tổ chức, cá nhân.

3. Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất và sở hữu nhà, công trình; hồ sơ thiết kế, giấy phép xây dựng công trình (nếu công trình phải cấp giấy phép xây dựng theo quy định).

4. Đơn thư khiếu nại, tố cáo (nếu có).

5. Các giấy tờ liên quan khác.

Điều 32. Hình thức, mức độ, thẩm quyền xử lý vi phạm

Hình thức, mức độ, thẩm quyền xử phạt vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình điện và hành lang bảo vệ an toàn lưới điện thực hiện theo Nghị định số 68/2010/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương Cao Bằng chịu trách nhiệm hướng dẫn, triển khai và kiểm tra thực hiện Quy chế bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có vướng mắc, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, các đơn vị phản ánh về Sở Công Thương Cao Bằng để nghiên cứu, tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bổ sung./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Hoàng Anh